60/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
Số: 71/2023/HĐ-KHĐT
Về việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015 và Luật thương mại số 36/2005/QH11 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005;

- Căn cứ vào nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại Văn phòng Công ty cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.62842542 Fax : 024.62842546

Số tài khoản: 122 1000 0002208 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành.

Mã số thuế : 0101919181

Đại diện : Ông **Nguyễn Hoàng Huân** Chức vụ: P.Giám đốc

Giấy ủy quyền số 01/UQ-VITE ngày 03/01/2023 của Giám đốc công ty.

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, P.Bách Khoa, Q.Hai Bà Trưng, TP Hà Nội

Điện thoại : 024.37550428

Tài khoản số : 111000037499 - tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long, Hà Nội

Mã số thuế : 0101074336

Đại diện : Ông **Trần Đình Kiên** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau thống nhất ký kết hợp đồng với những điều khoản dưới đây:

Điều 1: Nội dung công việc:

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin, bao gồm các nội dung sau:

- Lập bản vẽ: bản đồ bố trí công trình, mặt cắt địa chất, bình đồ đồng đẳng trụ
- Thuyết minh phương án thi công
- Lập dự toán thiết kế bản vẽ thi công

Điều 2: Tiến độ, chất lượng và các yêu cầu kỹ thuật:

Phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình, quy phạm chuyên ngành.

Tiến độ thực hiện: 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và bên A bàn giao tài liệu (không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt, nghiệm thu công trình).

Điều 3: Điều kiện nghiệm thu:

- Bàn giao hồ sơ tài liệu: 01 bộ tài liệu + dữ liệu số
- Công trình chỉ được nghiệm thu khi đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng và đạt các tiêu chuẩn quy định hiện hành.

Điều 4: Giá trị hợp đồng và phương thức nghiệm thu, thanh toán:

4.1 Giá trị hợp đồng (Đã bao gồm thuế VAT): **175.793.181 đồng** (có phụ lục chi tiết kèm theo)

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, một trăm tám mươi mốt đồng)

Bảng chi tiết giá hợp đồng

STT	Nội dung	Cách tính	Thành tiền (đồng)
1	Giá trị thi công phương án	(1)= (T+C)	21 654 740 224
2	Giá trị lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán	(2)= 0,9% x (1)	194 892 662
3	**Giá trị trước thuế**	**(2) x 82%**	**159 811 983**
	Thuế GTGT (10%)		*15 981 198*
	Giá trị Hợp đồng sau thuế		**175 793 181**

Giá trị thanh toán căn cứ vào khối lượng, giá trị thực tế thi công được hai bên nghiệm thu.

4.2 Tạm ứng: Không

4.3. Nghiệm thu:

+ Nghiệm thu giai đoạn: Căn cứ khối lượng, giá trị thi công được nghiệm theo từng giai đoạn, hai bên lập biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán.

+ Nghiệm thu hoàn thành: Sau khi kết thúc công tác thi công, hai bên lập biên bản nghiệm thu khối lượng, giá trị hoàn thành công việc lập lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán, làm cơ sở để hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

4.4: Loại hợp đồng: Đơn giá điều chỉnh

4.5 Hình thức thanh toán

Sau khi có biên bản nghiệm thu theo giai đoạn, nghiệm thu hoàn thành. Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 60 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Điều 5: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:

+ Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có những vấn đề vướng mắc hoặc tranh chấp, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên.

+ Trường hợp thương lượng không thành thì tranh chấp được đưa ra Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC). Phán xét của VIAC là quyết định cuối cùng có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên.

Điều 6: Bất khả kháng:

6.1- Sự kiện bất khả kháng là sự việc xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm hoạ khác chưa lường hết được; sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

6.2- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên chịu ảnh hưởng sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

+ Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình.

Điều 7. Thưởng, phạt vi phạm hợp đồng

- Thưởng hợp đồng: Không

- Phạt vi phạm hợp đồng: Trong trường hợp Bên B không hoàn thành đúng chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng và đủ theo yêu cầu của Bên A.

Điều 8: Tạm dừng, huỷ bỏ hợp đồng:

8.1- Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Do lỗi của Bên A hoặc Bên B gây ra;

- Các trường hợp bất khả kháng.

- Các trường hợp khác do hai bên thảo luận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết. Trường hợp một bên tạm dừng mà không thông báo gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên bị thiệt hại.

Thời gian và mức độ đền bù thiệt hại do tạm dừng hợp đồng do hai bên thoả thuận để khắc phục.

8.2- Huỷ bỏ hợp đồng:

+ Trường hợp Bên B thực hiện chậm tiến độ theo yêu cầu của Bên A sau khi Bên A đã gửi văn bản nhắc nhở lần 3 thì Bên A sẽ đơn phương huỷ bỏ hợp đồng. Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do Bên B gây ra kể cả phần làm chậm tiến độ.

+ Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc pháp luật có quy định. Bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại.

+ Bên huỷ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ hợp đồng phải bồi thường.

- Trong trường hợp Bên B không hoàn thành đúng chất lượng sản phẩm theo yêu cầu quy định trong hợp đồng thì Bên B phải làm lại cho đúng và đủ theo quy định của Bên A.

Điều 9: Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng đảm bảo tiến độ đã đề ra trong hợp đồng, đảm bảo chất lượng yêu cầu của Bên A, phải tuân thủ theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy trình, quy phạm chuyên ngành.

Chịu trách nhiệm với Bên A về các số liệu thu thập, đảm bảo an toàn, bảo mật trong quá trình thực hiện công việc.

Bồi thường thiệt hại cho Bên A khi cung cấp cho Bên A tài liệu sai, sử dụng các thông tin, tài liệu, quy chuẩn không phù hợp, mức đền bù thỏa thuận theo mức thiệt hại gây ra.

Điều 10: Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

Tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công việc thuận lợi.

Nghiệm thu, thanh toán hợp đồng sau khi công việc hoàn thành.

Điều 11: Điều khoản cam kết:

- Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng.

- Trường hợp phát sinh ngoài thoả thuận trên, hai bên sẽ ký phụ lục hợp đồng hoặc biên bản bổ sung. Các phụ lục và biên bản bổ sung (nếu có) là một phần của hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng được lập thành 06 bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ 03 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A **Phó Giám đốc**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **Giám đốc**
Nguyễn Hoàng Huân	**Trần Đình Kiên**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
Về việc thực hiện hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023

Hôm nay ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Văn phòng Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, sau khi xem xét tài liệu, chúng tôi thống nhất xác định khối lượng và chất lượng công việc nghiệm thu, cụ thể như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA NGHIỆM THU

BÊN A: Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin

- Ông Nguyễn Hoàng Huân — Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông Vũ Anh Tuấn — Chức vụ: TP. Địa chất
- Ông Nguyễn Đăng Luật — Chức vụ: CNCT

BÊN B: Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất

- Ông Trần Đình Kiên — Chức vụ: Giám đốc

B. NỘI DUNG NGHIỆM THU

1. Những tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin (VITE) và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất (CODECO) về việc thực hiện công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin;
- Biên bản bàn giao tài liệu ngày 04 / 5 /2023.

Sau khi kiểm tra, xem xét tài liệu, chúng tôi thống nhất nghiệm thu khối lượng công trình đã thực hiện đến ngày 04 / 5 /2023 như sau:

2. Khối lượng nghiệm thu:

2.1. Khối lượng các hạng mục công việc hoàn thành:

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng		
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu
1	Bản đồ bố trí các công trình thi công Đề án	Bản vẽ	1	1	1
2	Mặt cắt địa chất	Bản vẽ	5	5	5

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng		
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu
3	Thuyết minh: Phần công tác an toàn và bảo vệ môi trường, phương án và khối lượng, tổ chức thi công các công trình thăm dò	Quyển	1	1	1

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ tài liệu + tài liệu số.

2.2. Đánh giá về chất lượng công trình:

Sau khi kiểm tra tài liệu hồ sơ bàn giao đã xác định: Các tài liệu do bên B thực hiện theo nội dung hợp đồng; Phù hợp với Tiêu chuẩn quy định của Nhà nước cũng như của ngành, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Tiến độ thực hiện: Thực hiện đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

3. Kết luận

- Bên A đồng ý nghiệm thu khối lượng công việc do bên B thực hiện theo hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023.

- Sau khi bên A được nghiệm thu khối lượng giá trị thực hiện hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu giá trị hoàn thành để làm căn cứ thanh toán cho bên B.

Biên bản lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Huân	Trần Đình Kiên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU GIÁ TRỊ HOÀN THÀNH
Về việc thực hiện hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023

I. Căn cứ nghiệm thu

- Hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin (VITE) và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất (CODECO) về việc thực hiện công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 08 / 5 /2023.

II. Thời gian, địa điểm, đối tượng nghiệm thu

- Thời gian, địa điểm

+ Bắt đầu: 9 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2023.

+ Kết thúc: 11 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2023.

+ Địa điểm: Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin.

- Đối tượng nghiệm thu: Tài liệu thực hiện công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin theo hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023 của Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất thực hiện.

III. Thành phần nghiệm thu

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

- Ông Nguyễn Hoàng Huân	Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông Vũ Anh Tuấn	Chức vụ: TP. Địa chất
- Ông: Nguyễn Trường Chinh	Chức vụ: TP. TCKT
- Ông Nguyễn Văn Minh	Chức vụ: TP. KHĐT
- Ông Nguyễn Đăng Luật	Chức vụ: CNCT

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

- Ông Trần Đình Kiên	Chức vụ: Giám đốc

IV. Nội dung nghiệm thu

4.1 Về khối lượng, chất lượng

+ Khối lượng các hạng mục công việc hoàn thành: đã được bên A nghiệm thu tại biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 08 tháng 5 năm 2023.

4.2 Về giá trị

- Giá trị hợp đồng: 175.793.181 đồng (đã bao gồm VAT 10%)
- Giá trị đã xác nhận: 0 đồng (đã bao gồm VAT)

Căn cứ Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết 31/12/2023. Hai bên thống nhất áp dụng thuế GTGT cho giá trị nghiệm thu là 8%. Cụ thể:

- Giá trị xác nhận lần này là: **161.174.376 đồng** (đã bao gồm VAT 8%)

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

V. Kết luận

- Bên A đồng ý nghiệm thu giá trị hoàn thành công việc do bên B thực hiện theo Hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023.

Biên bản lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A **PHÓ GIÁM ĐỐC**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **GIÁM ĐỐC**
M.S.D.N: 0101919181 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VINACOMIN Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI	M.S.D.N: 0101074336-C.T.T.N.H.H CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI
Nguyễn Hoàng Huân	**Trần Đình Kiên**

Phụ biểu 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ THỰC HIỆN HOÀN THÀNH

(Kèm theo Biên bản xác nhận giá trị hoàn thành, ngày 27 tháng 12 năm 2023)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung công việc	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị thực hiện
I	**Chi phí trực tiếp**	**T**	**T=VL+NC+M**	**16.807.530.887**
1	Chi phí vật liệu	VL	Theo chi tiết	7.376.666.693
2	Chi phí nhân công	NC	$NC=NCo+NC_{TT}$	8.453.347.831
	Nhân công theo đơn giá	*NCo*	Theo chi tiết	8.009.891.556
	Chi phí nhân công tăng, giảm (nếu có)	NC_{TT}	*Theo chi tiết*	*443.456.275*
3	Chi phí máy thi công	M	Theo chi tiết	977.516.363
II	**Chi phí chung**	**C**	**$C=Co+C_T$**	**3.414.085.982**
	Chi phí chung theo đơn giá	Co	Theo chi tiết	3.326.323.013
	Chi phí chung tăng, giảm (nếu có)	C_T	$C_T=NC_{TT}x(C_O/T)$	*87.762.969*
III	**Giá trị lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công)**		**TC=0,9% x (T+C)**	**181.994.552**
	Giá trị nghiệm thu trước thuế		**TC x 82%**	**149.235.533**
	Thuế GTGT (8%)			*11.938.843*
	Giá trị nghiệm thu sau thuế			**161.174.376**

Phụ biểu 02: BẢNG CHI TIẾT GIÁ TRỊ THANH TOÁN

(Kèm theo Biên bản xác nhận giá trị hoàn thành, ngày 27 tháng 12 năm 2023)

TT	Mã số	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đ)				Hệ số TT	Thành tiền (đ)				Phụ cấp khu vực (0,3)	
					VL	NC	M	CPC		VL	NC	M	CPC	Hệ số	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7=1x2x6	8=1x3x6	9=1x4x6	10=1x5x6	11=HS-1	12=8x11
A		**THI CÔNG PHƯƠNG ÁN**								**7.376.666.693**	**8.009.891.556**	**977.516.363**	**3.326.323.013**		**443.456.275**
1		**Công tác trắc địa**								**2.765.742**	**62.903.375**	**5.968.384**	**22.684.736**		**3.774.202**
	G.200330	Lập lưới giải tích 3 và giao hội tương đương (KK loại III)	Điểm	8	263 919	5 296 750	607 418	1 948 923	1,0	2.111.352	42.374.000	4.859.344	15.591.384	0,06	2.542.440
	G.113310	Đưa công trình chủ yếu từ thiết kế ra thực địa (KK loại III)	Điểm	8	63 517	1 355 365	70 804	473 059	1,0	508.132	10.842.918	566.435	3.784.470	0,06	650.575
	G.114310	Đo công trình chủ yếu và đưa vào bản đồ (KK loại III)	Điểm	8	18 282	1 210 807	67 826	413 610	1,0	146.258	9.686.457	542.605	3.308.882	0,06	581.187
2		**Công tác đo vật lý Karota lỗ khoan**		**4.289,5**						**51.925.178**	**302.010.397**	**32.577.134**	**120.547.069**		**15.100.520**
	F.710030	Khu mỏ Cẩm Phả - Lỗ khoan sâu trung bình 300-400m	m	1.438,5	12.494	78.269	8.567	31.006	1,0	17.972.619	112.589.957	12.323.630	44.602.131	0,05	5.629.498
	F.710040	Khu mỏ Cẩm Phả - Lỗ khoan sâu trung bình 500-600m	m	2.851,0	11.909	66.440	7.104	26.638	1,0	33.952.559	189.420.440	20.253.504	75.944.938	0,05	9.471.022
3		**Công tác khoan máy**		**4.296,6**						**7.233.866.499**	**7.039.107.917**	**861.390.986**	**3.026.873.035**		**422.346.477**
		Khoan lấy mẫu địa chất bình thường													
	B.111005	Chiều sâu LK từ 0 đến 500m	m	1.019,6	1.402.179	967.130	231.104	520.083	1,0	1.429.661.708	986.085.748	235.633.638	530.276.627	0,06	59.165.145
	B.111006	Chiều sâu LK từ 0 đến 600m	m	1.432,8	1.533.962	1.007.091	240.168	556.244	1,0	2.197.860.754	1.442.959.985	344.112.710	796.986.403	0,06	86.577.599
	B.111007	Chiều sâu LK từ 0 đến 700m	m	378,5	1.616.276	1.039.960	249.108	581.069	1,0	611.760.466	393.624.860	94.287.378	219.934.617	0,06	23.617.492
	B.118005	Chiều sâu LK từ 0 đến 500m	m	203,0	1.649.114	2.494.467	112.078	851.132	1,0	334.770.223	506.376.842	22.751.915	172.779.796	0,06	30.382.611
	B.118006	Chiều sâu LK từ 0 đến 600m	m	309,5	1.858.262	2.579.491	114.409	910.432	1,0	575.131.965	798.352.526	35.409.524	281.778.704	0,06	47.901.152
	B.118007	Chiều sâu LK từ 0 đến 700m	m	234,5	1.992.015	2.625.812	115.216	946.609	1,0	467.127.564	615.752.914	27.018.152	221.979.764	0,06	36.945.175
	B.118005	Chiều sâu LK từ 0 đến 500m	m	218,2	2.061.393	3.118.084	140.098	1.063.915	1,0	449.795.953	680.365.929	30.569.384	232.146.253	0,06	40.821.956
	B.118006	Chiều sâu LK từ 0 đến 600m	m	469,5	2.322.827	3.224.364	143.011	1.138.040	1,0	1.090.567.277	1.513.838.898	67.143.665	534.309.780	0,06	90.830.334
	B.118007	Chiều sâu LK từ 0 đến 700m	m	31,0	2.490.019	3.282.265	144.020	1.183.261	1,0	77.190.589	101.750.215	4.464.620	36.681.091	0,06	6.105.013
4		**Công tác lấy và gia công mẫu**								**7.804.081**	**69.169.864**	**23.548.013**	**22.010.723**		**2.235.076**
	A.514110	Lấy mẫu khoan than và đá kẹp I-IV	mmẫu	101,5	15.145	68.519	3.414	24.382	1,0	1.536.428	6.951.272	346.383	2.473.543	0,05	347.564
	A.514112	Lấy mẫu lõi khoan cơ lý đá VIII-X	mmẫu	33,0	15.769	134.009	6.639	43.797	1,0	520.366	4.422.294	219.085	1.445.289	0,05	221.115
	E.412221	Lấy mẫu khí trong khí khoan	mẫu	38,0	53.303	730.876	284.945	294.917	1,0	2.025.514	27.773.288	10.827.910	11.206.846	0,06	1.666.397
	D.111150	Gia công mẫu than và đá kẹp	mẫu	207,0	9.559	62.950	25.455	14.695	1,0	1.978.713	13.030.650	5.269.185	3.041.865	-	
	D.111140	Gia công mẫu cơ lý đá	mẫu	165,0	10.564	102.984	41.730	23.292	1,0	1.743.060	16.992.360	6.885.450	3.843.180	-	
5		**Công tác phân tích mẫu**		**410**						**80.305.193**	**536.700.003**	**54.031.846**	**134.207.450**		
	D.221712	Phân tích hóa học than (7 chỉ tiêu)	Yêu cầu	207	185.617	905.076	13.714	220.881	1,0	38.422.719	187.350.732	2.838.798	45.722.367	-	
	D.262200	Phân tích mẫu cơ lý đá (6 chỉ tiêu D.262201+03+04+06+08+10)	Yêu cầu	165	221.772	1.960.937	307.892	498.121	1,0	36.592.380	323.554.605	50.802.180	82.189.965	-	
	D.234020	Phân tích mẫu khí định lượng	mẫu	38	139.213	678.807	10.286	165.661	1,0	5.290.094	25.794.666	390.868	6.295.118	-	

601/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
.....o0o.....

BIÊN BẢN THANH LÝ
Hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023

- Căn cứ Hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin (VITE) và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất (CODECO) về việc thực hiện công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin;

- Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 08/05/2023 và biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành ngày 27/12/2023;

Hôm nay, ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.62842542 - Fax : 024.62842546

Số tài khoản : 000799888888 tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Thăng Long, PGD Hoàng Mai, TP Hà Nội..

Mã số thuế : 0101919181

Người đại diện : Ông **Nguyễn Hoàng Huân** Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy UQ số : 01/UQ-VITE ngày 03/01/2023 của Giám đốc Công ty

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đại diện : Ông **Trần Đình Kiên** - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại : 024.37550428 - Fax :

Tài khoản số: 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội.

Mã số thuế : 0101074336

Hai bên cùng nhau thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023 với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc và khối lượng thực hiện:

- Bên B đã thực hiện công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin cho Bên A theo đúng nội dung yêu cầu của hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023.

- Bên B đã bàn giao đầy đủ tài liệu theo hợp đồng cho Bên A.

- Khối lượng công việc đã được bên B nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 08/05/2023 và giá trị thực hiện được bên B nghiệm thu ngày 27/12/2023.

Điều 2. Giá trị thanh lý hợp đồng:

- Giá trị theo hợp đồng: 175.793.181 đồng (đã bao gồm VAT 10%)
- Giá trị thực hiện: 161.174.376 đồng (đã bao gồm VAT 8%)
- Giá trị đã thanh toán: 0 đồng
- Giá trị còn lại phải thanh toán: **161.174.376** đồng

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Bên A thanh toán cho bên B giá trị của hợp đồng trong vòng 60 ngày kể từ ngày hai bên ký thanh lý hợp đồng, bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên B.

Điều 3. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung đã ghi trong biên bản này và thống nhất thanh lý hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023.

Biên bản thanh lý này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữa 04 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
PHÓ GIÁM ĐỐC	**GIÁM ĐỐC**
M.S.D.N: 0101919181 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VINACOMIN ★ Q. HOÀNG MAI TP. HÀ NỘI	M.S.D.N:0101074336-C.T.T.N.H.H ★ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT ★ Q. HAI BÀ TRƯNG - TP HÀ NỘI
Nguyễn Hoàng Huân	**Trần Đình Kiên**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
.....o0o.....

BIÊN BẢN THANH LÝ
Hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023

- Căn cứ Hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin (VITE) và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất (CODECO) về việc thực hiện công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin;

- Căn cứ biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ngày 08/05/2023 và biên bản nghiệm thu giá trị hoàn thành ngày 27/12/2023;

Hôm nay, ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

Địa chỉ : Tòa nhà B15, KĐT mới Đại Kim, P Đại Kim, Q Hoàng Mai, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024.62842542 - Fax : 024.62842546

Số tài khoản : 000799888888 tại Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - CN Thăng Long, PGD Hoàng Mai, TP Hà Nội..

Mã số thuế : 0101919181

Người đại diện : Ông **Nguyễn Hoàng Huân** Chức vụ: Phó Giám đốc

Giấy UQ số : 01/UQ-VITE ngày 03/01/2023 của Giám đốc Công ty

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

Đại diện : Ông **Trần Đình Kiên** - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Số 36 ngõ 30 phố Tạ Quang Bửu, P. Bách Khoa, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Điện thoại : 024.37550428 - Fax :

Tài khoản số: 111000037499 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long, Hà Nội.

Mã số thuế : 0101074336

Hai bên cùng nhau thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023 với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung công việc và khối lượng thực hiện:

- Bên B đã thực hiện công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin cho Bên A theo đúng nội dung yêu cầu của hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023.

- Bên B đã bàn giao đầy đủ tài liệu theo hợp đồng cho Bên A.

- Khối lượng công việc đã được bên B nghiệm thu theo biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 08/05/2023 và giá trị thực hiện được bên B nghiệm thu ngày 27/12/2023.

Điều 2. Giá trị thanh lý hợp đồng:

- Giá trị theo hợp đồng: 175.793.181 đồng (đã bao gồm VAT 10%)
- Giá trị thực hiện: 161.174.376 đồng (đã bao gồm VAT 8%)
- Giá trị đã thanh toán: 0 đồng
- Giá trị còn lại phải thanh toán: **161.174.376** đồng

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Bên A thanh toán cho bên B giá trị của hợp đồng trong vòng 60 ngày kể từ ngày hai bên ký thanh lý hợp đồng, bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của bên B.

Điều 3. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung đã ghi trong biên bản này và thống nhất thanh lý hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023.

Biên bản thanh lý này được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữa 04 bản, Bên B giữ 02 bản làm cơ sở thanh toán.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
PHÓ GIÁM ĐỐC	**GIÁM ĐỐC**
M.S.D.N: 0101919181 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG VINACOMIN ★ Q. HOÀNG MAI TP. HÀ NỘI	M.S.D.N: 0101074336-C.T.T.N.H.H ★ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT ★ Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI
Nguyễn Hoàng Huân	**Trần Đình Kiên**

601/2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
Về việc thực hiện hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023

Hôm nay ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại Văn phòng Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin, sau khi xem xét tài liệu, chúng tôi thống nhất xác định khối lượng và chất lượng công việc nghiệm thu, cụ thể như sau:

A. THÀNH PHẦN THAM GIA NGHIỆM THU

BÊN A: Công ty Cổ phần Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin

- Ông Nguyễn Hoàng Huân — Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông Vũ Anh Tuấn — Chức vụ: TP. Địa chất
- Ông Nguyễn Đăng Luật — Chức vụ: CNCT

BÊN B: Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất

- Ông Trần Đình Kiên — Chức vụ: Giám đốc

B. NỘI DUNG NGHIỆM THU

1. Những tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin (VITE) và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất (CODECO) về việc thực hiện công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin;
- Biên bản bàn giao tài liệu ngày 04 / 5 /2023.

Sau khi kiểm tra, xem xét tài liệu, chúng tôi thống nhất nghiệm thu khối lượng công trình đã thực hiện đến ngày 04 / 5 /2023 như sau:

2. Khối lượng nghiệm thu:

2.1. Khối lượng các hạng mục công việc hoàn thành:

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng		
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu
1	Bản đồ bố trí các công trình thi công Đề án	Bản vẽ	1	1	1
2	Mặt cắt địa chất	Bản vẽ	5	5	5

TT	Hạng mục công việc	ĐVT	Khối lượng		
			Theo hợp đồng	Thực hiện	Được nghiệm thu
3	Thuyết minh: Phần công tác an toàn và bảo vệ môi trường, phương án và khối lượng, tổ chức thi công các công trình thăm dò	Quyển	1	1	1

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ tài liệu + tài liệu số.

2.2. Đánh giá về chất lượng công trình:

Sau khi kiểm tra tài liệu hồ sơ bàn giao đã xác định: Các tài liệu do bên B thực hiện theo nội dung hợp đồng; Phù hợp với Tiêu chuẩn quy định của Nhà nước cũng như của ngành, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Tiến độ thực hiện: Thực hiện đúng tiến độ theo yêu cầu của Bên A.

3. Kết luận

- Bên A đồng ý nghiệm thu khối lượng công việc do bên B thực hiện theo hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023.

- Sau khi bên A được nghiệm thu khối lượng giá trị thực hiện hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu giá trị hoàn thành để làm căn cứ thanh toán cho bên B.

Biên bản lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
PHÓ GIÁM ĐỐC	GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hoàng Huân	Trần Đình Kiên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2023

BIÊN BẢN NGHIỆM THU GIÁ TRỊ HOÀN THÀNH
Về việc thực hiện hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023

I. Căn cứ nghiệm thu

- Hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023 giữa Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin (VITE) và Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất (CODECO) về việc thực hiện công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin;

- Biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 08 / 5 /2023.

II. Thời gian, địa điểm, đối tượng nghiệm thu

- Thời gian, địa điểm

+ Bắt đầu: 9 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2023.

+ Kết thúc: 11 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 12 năm 2023.

+ Địa điểm: Công ty CP Tin học, Công nghệ, Môi trường - Vinacomin.

- Đối tượng nghiệm thu: Tài liệu thực hiện công việc lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty CP Than Mông Dương - Vinacomin theo hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023 của Công ty TNHH Tư vấn, triển khai công nghệ và Xây dựng mỏ - Địa chất thực hiện.

III. Thành phần nghiệm thu

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TIN HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG - VINACOMIN

- Ông Nguyễn Hoàng Huân	Chức vụ: Phó Giám đốc
- Ông Vũ Anh Tuấn	Chức vụ: TP. Địa chất
- Ông: Nguyễn Trường Chinh	Chức vụ: TP. TCKT
- Ông Nguyễn Văn Minh	Chức vụ: TP. KHĐT
- Ông Nguyễn Đăng Luật	Chức vụ: CNCT

BÊN B: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

- Ông Trần Đình Kiên	Chức vụ: Giám đốc

IV. Nội dung nghiệm thu

4.1 Về khối lượng, chất lượng

+ Khối lượng các hạng mục công việc hoàn thành: đã được bên A nghiệm thu tại biên bản nghiệm thu khối lượng ngày 08 tháng 5 năm 2023.

4.2 Về giá trị

- Giá trị hợp đồng: 175.793.181 đồng (đã bao gồm VAT 10%)
- Giá trị đã xác nhận: 0 đồng (đã bao gồm VAT)

Căn cứ Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội, có hiệu lực từ ngày 01/7/2023 đến hết 31/12/2023. Hai bên thống nhất áp dụng thuế GTGT cho giá trị nghiệm thu là 8%. Cụ thể:

- Giá trị xác nhận lần này là: **161.174.376 đồng** (đã bao gồm VAT 8%)

(Bằng chữ: Một trăm sáu mươi mốt triệu, một trăm bảy mươi bốn ngàn, ba trăm bảy mươi sáu đồng).

Chi tiết tại phụ lục kèm theo.

V. Kết luận

- Bên A đồng ý nghiệm thu giá trị hoàn thành công việc do bên B thực hiện theo Hợp đồng số 71/2023/HĐ-KHĐT ngày 20/3/2023.

Biên bản lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
PHÓ GIÁM ĐỐC	**GIÁM ĐỐC**
Nguyễn Hoàng Huân	**Trần Đình Kiên**

Phụ biểu 01: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ THỰC HIỆN HOÀN THÀNH

(Kèm theo Biên bản xác nhận giá trị hoàn thành, ngày 27 tháng 12 năm 2023)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung công việc	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị thực hiện
I	**Chi phí trực tiếp**	**T**	**T=VL+NC+M**	**16.807.530.887**
1	Chi phí vật liệu	VL	Theo chi tiết	7.376.666.693
2	Chi phí nhân công	NC	$NC=NCo+NC_{TT}$	8.453.347.831
	Nhân công theo đơn giá	*NCo*	Theo chi tiết	8.009.891.556
	Chi phí nhân công tăng, giảm (nếu có)	NC_{TT}	*Theo chi tiết*	*443.456.275*
3	Chi phí máy thi công	M	Theo chi tiết	977.516.363
II	**Chi phí chung**	**C**	**$C=Co+C_T$**	**3.414.085.982**
	Chi phí chung theo đơn giá	Co	Theo chi tiết	3.326.323.013
	Chi phí chung tăng, giảm (nếu có)	C_T	$C_T=NC_{TT}x(C_O/T)$	*87.762.969*
III	**Giá trị lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công)**		**TC=0,9% x (T+C)**	**181.994.552**
	Giá trị nghiệm thu trước thuế		**TC x 82%**	**149.235.533**
	Thuế GTGT (8%)			*11.938.843*
	Giá trị nghiệm thu sau thuế			**161.174.376**

Phụ biểu 02: BẢNG CHI TIẾT GIÁ TRỊ THANH TOÁN

(Kèm theo Biên bản xác nhận giá trị hoàn thành, ngày 27 tháng 12 năm 2023)

TT	Mã số	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá (đ)				Hệ số TT	Thành tiền (đ)				Phụ cấp khu vực (0,3)	
					VL	NC	M	CPC		VL	NC	M	CPC	Hệ số	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7=1x2x6	8=1x3x6	9=1x4x6	10=1x5x6	11=HS-1	12=8x11
A		**THI CÔNG PHƯƠNG ÁN**								**7.376.666.693**	**8.009.891.556**	**977.516.363**	**3.326.323.013**		**443.456.275**
1		**Công tác trắc địa**								**2.765.742**	**62.903.375**	**5.968.384**	**22.684.736**		**3.774.202**
	G.200330	Lập lưới giải tích 3 và giao hội tương đương (KK loại III)	Điểm	8	263 919	5 296 750	607 418	1 948 923	1,0	2.111.352	42.374.000	4.859.344	15.591.384	0,06	2.542.440
	G.113310	Đưa công trình chủ yếu từ thiết kế ra thực địa (KK loại III)	Điểm	8	63 517	1 355 365	70 804	473 059	1,0	508.132	10.842.918	566.435	3.784.470	0,06	650.575
	G.114310	Đo công trình chủ yếu và đưa vào bản đồ (KK loại III)	Điểm	8	18 282	1 210 807	67 826	413 610	1,0	146.258	9.686.457	542.605	3.308.882	0,06	581.187
2		**Công tác đo vật lý Karota lỗ khoan**		**4.289,5**						**51.925.178**	**302.010.397**	**32.577.134**	**120.547.069**		**15.100.520**
	F.710030	Khu mỏ Cẩm Phả - Lỗ khoan sâu trung bình 300-400m	m	1.438,5	12.494	78.269	8.567	31.006	1,0	17.972.619	112.589.957	12.323.630	44.602.131	0,05	5.629.498
	F.710040	Khu mỏ Cẩm Phả - Lỗ khoan sâu trung bình 500-600m	m	2.851,0	11.909	66.440	7.104	26.638	1,0	33.952.559	189.420.440	20.253.504	75.944.938	0,05	9.471.022
3		**Công tác khoan máy**		**4.296,6**						**7.233.866.499**	**7.039.107.917**	**861.390.986**	**3.026.873.035**		**422.346.477**
		Khoan lấy mẫu địa chất bình thường													
	B.111005	Chiều sâu LK từ 0 đến 500m	m	1.019,6	1.402.179	967.130	231.104	520.083	1,0	1.429.661.708	986.085.748	235.633.638	530.276.627	0,06	59.165.145
	B.111006	Chiều sâu LK từ 0 đến 600m	m	1.432,8	1.533.962	1.007.091	240.168	556.244	1,0	2.197.860.754	1.442.959.985	344.112.710	796.986.403	0,06	86.577.599
	B.111007	Chiều sâu LK từ 0 đến 700m	m	378,5	1.616.276	1.039.960	249.108	581.069	1,0	611.760.466	393.624.860	94.287.378	219.934.617	0,06	23.617.492
	B.118005	Chiều sâu LK từ 0 đến 500m	m	203,0	1.649.114	2.494.467	112.078	851.132	1,0	334.770.223	506.376.842	22.751.915	172.779.796	0,06	30.382.611
	B.118006	Chiều sâu LK từ 0 đến 600m	m	309,5	1.858.262	2.579.491	114.409	910.432	1,0	575.131.965	798.352.526	35.409.524	281.778.704	0,06	47.901.152
	B.118007	Chiều sâu LK từ 0 đến 700m	m	234,5	1.992.015	2.625.812	115.216	946.609	1,0	467.127.564	615.752.914	27.018.152	221.979.764	0,06	36.945.175
	B.118005	Chiều sâu LK từ 0 đến 500m	m	218,2	2.061.393	3.118.084	140.098	1.063.915	1,0	449.795.953	680.365.929	30.569.384	232.146.253	0,06	40.821.956
	B.118006	Chiều sâu LK từ 0 đến 600m	m	469,5	2.322.827	3.224.364	143.011	1.138.040	1,0	1.090.567.277	1.513.838.898	67.143.665	534.309.780	0,06	90.830.334
	B.118007	Chiều sâu LK từ 0 đến 700m	m	31,0	2.490.019	3.282.265	144.020	1.183.261	1,0	77.190.589	101.750.215	4.464.620	36.681.091	0,06	6.105.013
4		**Công tác lấy và gia công mẫu**								**7.804.081**	**69.169.864**	**23.548.013**	**22.010.723**		**2.235.076**
	A.514110	Lấy mẫu khoan than và đá kẹp I-IV	mmẫu	101,5	15.145	68.519	3.414	24.382	1,0	1.536.428	6.951.272	346.383	2.473.543	0,05	347.564
	A.514112	Lấy mẫu lõi khoan cơ lý đá VIII-X	mmẫu	33,0	15.769	134.009	6.639	43.797	1,0	520.366	4.422.294	219.085	1.445.289	0,05	221.115
	E.412221	Lấy mẫu khí trong khi khoan	mẫu	38,0	53.303	730.876	284.945	294.917	1,0	2.025.514	27.773.288	10.827.910	11.206.846	0,06	1.666.397
	D.111150	Gia công mẫu than và đá kẹp	mẫu	207,0	9.559	62.950	25.455	14.695	1,0	1.978.713	13.030.650	5.269.185	3.041.865	-	
	D.111140	Gia công mẫu cơ lý đá	mẫu	165,0	10.564	102.984	41.730	23.292	1,0	1.743.060	16.992.360	6.885.450	3.843.180	-	
5		**Công tác phân tích mẫu**		**410**						**80.305.193**	**536.700.003**	**54.031.846**	**134.207.450**		
	D.221712	Phân tích hóa học than (7 chỉ tiêu)	Yêu cầu	207	185.617	905.076	13.714	220.881	1,0	38.422.719	187.350.732	2.838.798	45.722.367	-	
	D.262200	Phân tích mẫu cơ lý đá (6 chỉ tiêu D.262201+03+04+06+08+10)	Yêu cầu	165	221.772	1.960.937	307.892	498.121	1,0	36.592.380	323.554.605	50.802.180	82.189.965	-	
	D.234020	Phân tích mẫu khí định lượng	mẫu	38	139.213	678.807	10.286	165.661	1,0	5.290.094	25.794.666	390.868	6.295.118	-	

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN XÁC NHẬN

CÁN BỘ THAM GIA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SẢN XUẤT NĂM 2023-2024

TẠI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT

TT	Tên hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký HĐ	Tổng giá trị HĐ	Giá trị thực hiện	Ngày quyết toán	Chủ nhiệm đề tài	Thành viên tham gia
1	T/h một phần công việc Lập PAKT, Phương án thi công thuộc PA thăm dò phục vụ khai thác giai đoạn 2019-2020, Kế hoạch 5 năm 2021-2025 trong ranh giới Giấy phép khai thác số 2793/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 mỏ than Khe Chàm III, TP Cẩm Phả, T Quảng Ninh	110/2019/HĐ-KHĐT (78/2019-CODECO)	30/10/2019	431.963.522	34.688.622	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
2	Đo đạc, khảo sát, quan trắc lưu lượng nước trên mặt, chỉnh lý bản đồ địa chất thủy văn mỏ: quét, số hóa các bản vẽ thuộc công trình: quan trắc địa chất thủy văn mỏ Bình Minh, đánh giá mối quan hệ giữa nước mặt và nước hầm lò	178/2022/HĐ-KHĐT (94/2022-CODECO)	22/07/2022	237.787.359	237.787.359	17/10/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
3	Thực hiện một phần cồng việc vận hành các trạm quan trắc môi trường tự động TKV năm 2023	01/2023/HĐ-KHĐT (121/2023-CODECO)	03/01/2023	217.330.439	213.378.976	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
4	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khai thác hầm lò mỏ than Núi Béo năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin	23/2023/HĐ-KHĐT (116/2023-CODECO)	05/01/2023	98.604.000	96.811.200	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
5	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 thuộc phương án kỹ thuật và dự toán Quan trắc môi trường năm 2023 Công ty CP than Cọc Sáu – Vinacomin	24/2023/HĐ-KHĐT (48/2023-CODECO)	05/01/2023	146.173.500	71.757.900	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Vân Anh
6	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường định kỳ (Khu khai trường Cao Sơn) và quan trắc môi trường các trạm xử lý nước thải sinh hoạt và Hệ thống khai thác nước mặt từ Moong lộ via 21 Khe Chàm Công ty CP than Cao Sơn -TKV năm 2023	42/2023/HĐ-KHĐT (117/2023-CODECO)	17/02/2023	141.234.500	138.666.600	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền

7	Thực hiện một phần công việc quan trắc môi trường mỏ than Đèo Nai năm 2023, công ty Cổ phần than Đèo Nai - Vinacomin	53/2023/HĐ-KHĐT (120/2023-CODECO)	01/03/2023	52.442.500	51.489.000	20/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền
8	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường năm 2023 - Công ty CP Than Hà Tu - Vinacomin	56/2023/HĐ-KHĐT (49/2023-CODECO)	03/03/2023	63.481.000	31.163.400	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền
9	Thực hiện một phần công việc Quan trắc môi trường khu vực khai trường sản xuất năm 2023 - Công ty CP than Núi Béo - Vinacomin	65/2023/HĐ-KHĐT (118/2023-CODECO)	14/03/2023	103.158.000	101.282.400	19/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Vân Anh
10	Lập thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) và dự toán khoan thăm dò phục vụ khai thác năm 2023, Công ty than Mông Dương - Vinacomin	71/2023/HĐ-KHĐT (60/2023-CODECO)	20/03/2023	175.793.181	161.174.376	27/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
11	Thực hiện Quan trắc lún, quan trắc chuyển dịch ngang và quan trắc thấm. Hạng mục công trình: Đập hồ chứa bùn sau tuyển rửa số 1 giai đoạn 2 và đập hồ Cầu tư năm 2023 - Chu kỳ 2	97/2023/HĐ-KHĐT (68/2023-CODECO)	05/04/2023	263.331.745	258.543.895	06/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
12	Thực hiện một phần công việc lập báo cáo tổng hợp chỉnh lý tài liệu địa chất phục vụ dự án khai thác hầm lò mỏ Đồng Vông	134/2023/HĐ-KHĐT (62/2023-CODECO)	11/05/2023	130.188.856	127.821.785	28/11/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Thanh Hiền
13	Thi công Quan trắc dịch động các mái taluy khu vực Quang Lật Cánh Gà, Trạm Quạt +139 TVD, +215 Cánh Gà và khu vực địa hình phía trên lò chợ cơ giới hóa CI-8-5 - Công ty Cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin năm 2023	176/2023/HĐ-KHĐT (70/2023-CODECO)	15/06/2023	516.123.170	506.739.113	26/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
14	Thi công khoan khảo sát địa chất thuộc Phương án xác định mức sâu vượt quá chiều sâu được phép khai thác trong phạm vi giấy phép khai thác số 1555/GP-BTNMT ngày 13/08/2009 mỏ than Uông Thượng	212/2023/HĐ-KHĐT (78/2023-CODECO)	18/07/2023	571.337.353	598.855.046	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
15	Thực hiện một phần công việc Lập Báo cáo tổng hợp tài liệu, tính trữ lượng phục vụ quyết toán tài nguyên giấy phép khai thác số 2789/GP-BTNMT ngày 31/12/2008 và giấy phép khai thác số 141/GP-BTNMT ngày 01/02/2013 mỏ than Vàng Danh	271/2022/HĐ-KHĐT (109/2022-CODECO)	21/12/2022	131.397.035	129.007.998	26/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Phạm Thị Vân Anh

16	Đo vẽ, chỉnh lý bản đồ địa chất tỷ lệ 1/5.000 diện tích 6,22km2 (vùng có phụ cấp KV 0,1) thuộc CT: thi công Đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi được phép khai thác mỏ than Khe Chàm II-IV thuộc P Mông Dương, TP Cẩm Phả, t Quảng Ninh theo GP khai thác số 248/GP-BTNMT ngày 07/10/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường	290/2023/HĐ-KHĐT (101/2023-CODECO)	24/10/2023	625.543.047	625.543.047	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Trường Sinh; Lê Thị Ngọc Tú
17	Lập phương án kỹ thuật thiết kế bản vẽ thi công (phương án thi công) - dự toán đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong phạm vi giấy phép khai thác số 248/GP-TNMT ngày 07/10/2022 mỏ Khe Chàm II-IV Công ty Than Hạ Long - TKV	91/2023/HĐ-KHĐT (61/2023-CODECO)	28/03/2023	860.369.231	272.859.054	29/12/2023	Nguyễn Trung Thành	Phạm Thị Vân Anh Lê Thị Ngọc Tú

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY

M.S.D.N: 0101074336 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN, TRIỂN KHAI CÔNG NGHỆ VÀ XÂY DỰNG MỎ - ĐỊA CHẤT
Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Lan